

SỞ Y TẾ LẠNG SƠN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KSBT-DVTTYT
V/v gia hạn yêu cầu báo giá cung cấp
hàng hóa

Lạng Sơn, ngày tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Ngày 06/5/2024, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn đã có công văn số 242/KSBT-DVTTYT về việc yêu cầu báo giá cung cấp hàng hóa, thời hạn báo giá trước ngày 19/5/2025.

Đến nay, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn vẫn chưa nhận đủ báo giá cho các mặt hàng để tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm. Vì vậy, Trung tâm gia hạn thời gian tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, thiết bị chuyên dùng năm 2025, cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn

Địa chỉ: Khối 10, Đường Nhị Thanh, Phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ds. Trần Thị Thanh Hoa, Phó trưởng Khoa Dược - Vật tư y tế

SĐT: 0826323326

E-mail: hoatran.cdcls@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận bản gốc tại địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn, địa chỉ: Khối 10, đường Nhị Thanh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn.

- Nhận bản điện tử qua Email: hoatran.cdcls@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước ngày 19/6/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 19/6/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa mời báo giá: Danh mục gồm **52 mặt hàng**, nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều hoặc tất cả các mặt hàng trong danh mục.

Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

2. Mẫu báo giá: Theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo.

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Khối 10, Đường Nhị Thanh, Phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn trân trọng kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm gửi báo giá đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD TT;
- Phòng KH-TC;
- Khoa TTGDSK;
- Lưu: VT, DVTTYT_(02b).

GIÁM ĐỐC

Đào Đình Cường

Phụ lục 1**Danh mục hàng hóa yêu cầu chào giá**

(Kèm theo Công văn số: /KSBT-DVTTYT ngày /5/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I	VẬT TƯ - THIẾT BỊ Y TẾ, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG			
1.	Bao cao su	Chất liệu: latex tự nhiên. Chiều rộng: $49 \pm 2\text{mm}$, chiều dài $\geq 165\text{mm}$, độ dày: $0.045 - 0.080\text{mm}$. Đặc tính: không màu (trong mờ), không gân gai. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Cái	57.600
2.	Giấy in nhiệt khổ 110mm	Bề rộng giấy: 110mm, chiều dài: $\geq 20\text{m}$	Cuộn	50
3.	Giấy in nhiệt khổ 57mm	Bề rộng giấy: 57mm, chiều dài: $\geq 20\text{m}$	Cuộn	20
4.	Hoá chất hiện hình	Hóa chất rửa phim hiện hình, phù hợp với tất cả các loại phim X-Quang thường quy. Bộ hóa chất gồm 03 phần: Phần A (5 lít), Phần B (0.25 lít), Phần C (0.5 lít). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Bộ	4
5.	Lam kính	Chất liệu thủy tinh trong suốt có một đầu nhám. Kích thước $25.4\text{mm} \times 76.2\text{mm}$; độ dày 1mm - 1.2mm. Quy cách: Hộp 72 cái.	Cái	6.000
6.	Panh thẳng không máu 20cm	Chất liệu thép không gỉ, không máu, dài 20 cm.	Cái	2
7.	Thìa nạo curet	Chiều dài curet: 14,5cm; chất liệu: thép không gỉ; đầu nạo nhỏ, sắc, phù hợp để nạo da. Kích thước đầu nạo: dài 3,5mm, rộng 2mm.	Cái	10
8.	Bộ máy đo huyết áp cơ kèm ống nghe	Bộ máy đo huyết áp gồm: 01 máy đo huyết áp đồng hồ có vạch chia từ 20 ~ 300mmHg, 01 ống nghe tim phổi. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Xuất xứ: Các nước nhóm G7.	Bộ	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
9.	Đồng hồ bấm giây	Chức năng chính: Bấm giờ đếm xuôi và đếm ngược, có thể đo thời gian từng vòng và tổng thời gian. Hiển thị: Màn hình LCD hiện số; hiển thị giờ, phút, giây, phần trăm giây (ít nhất đến 1/100 giây); Bộ nhớ: Lưu được ít nhất 10 lần bấm gần nhất; Dải đo thời gian: Tối thiểu 23 giờ 59 phút 59,99 giây; Sai số: Không quá $\pm 0.01\%$; Nguồn điện: Pin thông dụng, thay được.	Cái	3
10.	Test nước tiểu phát hiện ma túy đá (Methamphetamine)	- Mẫu phẩm: Nước tiểu - Phát hiện Methamphetamine - Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100% - Ngưỡng phát hiện: 500 ng/mL - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Test	100
11.	Máy đo phóng xạ	Đo tia alpha, beta, gamma, tia X . Tiêu chuẩn an toàn: phù hợp với IEC 61010-1:2010 và tiêu chuẩn về đo phóng xạ IEC 60846-1:2009. Đo bức xạ ion hóa đương lượng liều môi trường H*(10) - Dải đo: 0 $\mu\text{Sv/h}$ - 1 Sv/h (0 $\mu\text{rem/h}$ - 100 rem/h) - Độ phân giải đo suất liều: 0.01 $\mu\text{Sv/h}$ (1 $\mu\text{rem/h}$) hoặc 3 số thập phân - Độ phân giải đo liều: 0.1 nSv (0.01 μrem) hoặc 3 số thập phân - Dải năng lượng: 16 keV - 7 MeV - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 - Xuất xứ: Châu Âu. - Sản xuất năm 2024 - 2025.	Cái	1
12.	Máy đo môi trường	- Thiết bị cầm tay đo nhanh phát hiện đồng thời đến 5 khí và các thông số nhiệt độ, độ ẩm. - Máy có gắn các cảm biến sau: + 01 bộ cảm biến nhiệt độ và độ ẩm tương đối + 01 cảm TVOCs (PID): 0 - 300 ppm	Cái	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		+ 01 cảm biến hồng ngoại CO ₂ : 0 - 10.000 ppm + 01 cảm biến điện hóa CO: 0 - 50 ppm + 01 cảm biến điện hóa Cl ₂ : 0 - 5ppm + 01 cảm biến điện hóa SO ₂ : 0 - 20ppm - Xuất xứ: Các nước nhóm G7 - Sản xuất năm 2024 - 2025.		
13.	Máy đo vi khí hậu	- Thang đo tốc độ gió: 0 đến 30 m/s Độ phân giải tốc độ gió: 0.01 m/s Độ chính xác tốc độ gió: $\pm 3\%$ giá trị đọc hoặc $\pm 0.015\text{m/s}$ chọn giá trị nào cao hơn - Thang đo nhiệt độ: -10 đến 60°C Độ phân giải nhiệt độ: 0.1°C Độ chính xác nhiệt độ: $\pm 0.3^\circ\text{C}$ - Thang đo độ ẩm: 5 đến 95% Độ phân giải độ ẩm: 0.10% Độ chính xác độ ẩm: $\pm 3\%$ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 - Xuất xứ: Các nước nhóm G7 - Sản xuất năm 2024 - 2025.	Cái	1
14.	Máy đo chức năng hô hấp	- <i>Tiêu chí kỹ thuật:</i> + Đo dung tích sống chậm: ≥ 6 thông số + Đo dung tích sống gắng sức: ≥ 45 thông số + Đo thông khí chủ động tối đa: ≥ 5 thông số + Giới hạn lưu lượng: $\pm 0,05$ đến $\pm 14\text{L/phút}$, độ phân giải: 0,01L/s + Giới hạn thể tích: $\pm 0,01$ đến $\pm 10\text{L}$, độ chính xác: $\pm 3\%$ hoặc $\leq 0,05\text{L}$ + Có màn hình hiển thị các kết quả đo, tích hợp sẵn máy in nhiệt để in kết quả trực tiếp + Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 + Sản xuất năm 2024 - 2025. - <i>Cấu hình cung cấp:</i> + Đầu cảm biến lưu lượng: 02 cái	Cái	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Kẹp mũi: 01 cái + Xy lanh chuẩn máy (3 lít): 01 cái + Thẻ nhớ: 01 cái + Ống thổi giấy: 100 cái + Giấy in nhiệt: 01 cuộn		
15.	Hệ thống nội soi tai mũi họng	<i>1. Tiêu chí kỹ thuật:</i> - Camera: full HD - Nguồn sáng: Kiểu bóng LED - Màn hình: ≥ 21 inch full HD - Ống nội soi 0 độ, đường kính 4mm - Ống nội soi 70 độ, đường kính 4mm - Chức năng: Video, dừng hình, chụp ảnh bằng tay, lưu trữ - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 (Máy chính) - Sản xuất năm 2024 - 2025. <i>2. Cấu hình cung cấp:</i> - Máy chính: 01 cái - Nguồn sáng: 01 cái - Camera: 01 cái - Màn hình: 01 cái - Dây dẫn sáng: 01 cái - Đầu nối với ống soi: 01 cái - Ống nội soi 0 độ: 01 cái - Ống nội soi 70 độ: 01 cái - Xe đẩy chuyên dụng: 01 cái	Cái	1
II	HÓA CHẤT SINH HÓA			
16.	LDL- Cholesterol;	Để xác định định lượng nồng độ LDL-Cholesterol (LDL-C) trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp đo: Direct Method Dải tuyến tính: 0.05-20 mmol/L	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Good's buffer 50 mmol/L Cholesterol esterase 600 U/L Cholesterol oxidase 500 U/L Catalase 600 KU/L TOOS 2 mmol/L - Hóa chất R2: Good's buffer 50 mmol/L 4-aminoantipyrine 4 mmol/L Peroxidase 4 U/mL Quy cách : R1:1*40 mL+R2:1*14 mL - Xuất xứ: Châu Á		
17.	CD80 Detergent	Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kì Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định Quy cách: 1 can x 2L Xuất xứ: Châu Á	Can	2
III	HÓA CHẤT - CHẤT CHUẨN PHỤC VỤ XÉT NGHIỆM VI SINH VẬT TRONG NƯỚC			
18.	Thạch Baird-Parker agar (Base)	Tên gọi khác: Staphylococcus selective agar; Staphylococcus selective agar acc. to BAIRD-PARKER (base) Môi trường cơ bản để pha chế môi trường chọn lọc Staphylococcus aureus. - Dạng: rắn, màu vàng nâu; - Giá trị pH: 6,8 (58 g/l, H ₂ O, 37°C); - Độ hòa tan: 58 g/l; - Bảo quản ở +15°C đến +25°C Quy cách: 500g/Chai - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Chai	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19.	Hóa chất Egg yolK tellurite emulsion (20%, for microbiology)	Chất bổ sung vào môi trường Baird-Parker agar chứa tellurite để tạo môi trường nuôi cấy S.aureus. Quy cách: Hộp/10 lọ x 50ml - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	1
20.	Môi trường BHI (Brain Heart Infusion) broth.	Brain Heart Infusion (BHI) là một môi trường chất lỏng đa năng được sử dụng trong nuôi cấy các vi sinh vật khó tính và không bền, bao gồm cả vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí, từ nhiều loại vật liệu lâm sàng và không nhân khoa. - Màu sắc: nâu; - Độ pH: 7,2-7,6 - Độ hoà tan: 37 g/l - Bảo quản: 15-25°C Quy cách: 500g/Chai - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Chai	1
21.	Huyết tương khô đông khô với EDTA, lyophilized - BactidentR Coagulase.	Huyết tương dùng để thử phản ứng coagulase của S.aureus Xác định tính gây bệnh Staphylococci bằng phương pháp ống trực tiếp - Bảo quản ở nhiệt độ từ +2°C đến +8°C. Quy cách : Hộp gồm 06 lọ x 3ml - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	1
22.	Test Oxydase 50 strips (Microbiology BactidentR Oxidase).	Dùng để thử phản ứng Oxydase của vi sinh vật. Quy cách: 50 test/Lọ - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Lọ	2
23.	Dầu soi kính hiển vi – immersion oil	Dầu soi kính hiển vi trong suốt, chỉ số khúc xạ cao, giúp người thực hiện dễ dàng hơn khi quan sát mẫu vật Quy cách: 100ml/lọ - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Lọ	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24.	Pseudomonas CN selective	- Hóa chất bổ sung vào môi trường nuôi cấy vi sinh giúp chọn lọc Pseudomonas aeruginosa - Thành phần: Cetrimeđe 100mg; Nalidixic 7,5mg Quy cách: 10 lọ/Hộp - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	3
IV HÓA CHẤT DUY TRÌ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN ISO				
25.	Dung dịch chuẩn màu sắc 5 Platinum Cobalt liquid.	Platinum-cobalt liquid 5 Đáp ứng theo tiêu chuẩn ASTM D1209 Quy cách: 500 ml/chai - Xuất xứ: Châu Âu	Chai	1
26.	Dung dịch chuẩn màu sắc 10 Platinum Cobalt liquid.	Platinum-cobalt liquid 10 Đáp ứng theo tiêu chuẩn ASTM D1209 Quy cách: 500 ml/chai - Xuất xứ: Châu Âu	Chai	1
27.	Dung dịch chuẩn màu sắc 15 Platinum Cobalt liquid.	Platinum-cobalt liquid 15 Đáp ứng theo tiêu chuẩn ASTM D1209 Quy cách: 500 ml/chai - Xuất xứ: Châu Âu	Chai	1
28.	Dung dịch chuẩn màu sắc 30 Platinum Cobalt liquid.	Platinum-cobalt liquid 30 Đáp ứng theo tiêu chuẩn ASTM D1209 Quy cách: 500 ml/chai - Xuất xứ: Châu Âu	Chai	1
29.	Dung dịch chuẩn pH điểm 4.	Độ chính xác: $\pm 0,01$ pH tại 25°C Quy cách: 1000 ml/chai. - Xuất xứ: Châu Âu	Chai	1
30.	Dung dịch chuẩn pH điểm 7;	Độ chính xác: $\pm 0,01$ pH tại 25°C Quy cách: 1000 ml/chai. - Xuất xứ: Châu Âu	Chai	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
31.	Dung dịch chuẩn pH điểm 10;	Độ chính xác: ± 0.01 pH tại 25°C Quy cách: 1000 ml/chai. - Xuất xứ: Châu Âu	Chai	1
32.	Chuẩn độ đục 2NTU.	Dung dịch dùng để chuẩn độ đục có nồng độ 2 NTU; Quy cách: 30ml/chai Thích hợp dùng cho máy Lovibond - Xuất xứ: Châu Âu	Chai	1
V	HÓA CHẤT, MÔI TRƯỜNG, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ NGOẠI KIỂM			
33.	Pseudomonas CN selective	Môi trường chứa chất chọn lọc bổ sung vào môi trường cơ bản để hoàn thiện môi trường chọn lọc Psedomonas aeruginosa Quy cách: 10 lọ/ Hộp - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	1
34.	Acetamide nutrient broth	Môi trường dinh dưỡng dùng để chọn lọc vi khuẩn P.aeruginosa (Môi trường đóng gói gồm 2 thành phần: Thành phần I gồm: Magnesium sulfate 0.158g/L Sodium chloride 0.2g/L Sodium molybdate 0.005g/L Ferrous sulfate 0.0005g/L Dipotassium hydrogen phosphate 0.2g/L Thành phần II gồm: Acetamide 2.0g/L Quy cách: 500g/Hộp - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	1
35.	Thuốc thử Nessler's reagent	Thử phản ứng sinh NH ₄ ⁺ của P.aeruginosa khi được nuôi trong môi trường Acetamide Quy cách: 100 ml/Chai - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Chai	1
36.	Hóa chất Egg yolK tellurite emulsion (20%, for microbiology)	Chất bổ sung vào môi trường Baird-Parker agar chứa tellurite để tạo môi trường nuôi cấy S.aureus	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Quy cách: Hộp/10 lọ x 50ml - Xuất xứ: Các nước nhóm G20		
37.	Huyết tương thử đông khô với EDTA, lyophilized - BactidentR Coagulase Huyết tương dùng để thử phản ứng coagulase của S.aureus	Huyết tương dùng để thử phản ứng coagulase của S.aureus Quy cách: Hộp/ 06 lọ x 3ml - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	1
38.	Test Oxydase	Microbiology BactidentR Oxidase Dùng để thử phản ứng Oxydase của vi sinh vật Quy cách: 50 test/lọ - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Lọ	3
39.	Dung dịch HNO3	Quy cách: Chai/1000ml Dung dịch có hàm lượng HNO3 từ 65% - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Chai	1
40.	Ống chuẩn KMnO4 (0,1N)	Dùng để pha chế dung dịch chuẩn KMnO4 0,1N Pha với 1000 ml nước cất Chất liệu: Ống nhựa Giá trị pH: 7-9 (H ₂ O, 20°C); Quy cách: 1000ml/chai - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Ống	1
41.	Ống chuẩn Acid Oxalic (0,1N)	Dùng để pha chế dung dịch chuẩn Acid Oxalic 0,1N Pha với 1000 ml nước cất Chất liệu: Ống nhựa Giá trị pH: 7-9 (H ₂ O, 20°C); Quy cách: 01 ống/hộp - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Ống	1
42.	Kali Iodua (Potassium iodide) tinh khiết	- Công thức hóa học: KI - Nồng độ: ≥ 99.5 %	Chai	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		- Chloride and Bromide (as Cl): $\leq 0.01\%$; Iodate (IO_3^-): $\leq 0.0003\%$; Phosphate (PO_4^{3-}): $\leq 0.001\%$; Sulfate (SO_4^{2-}): $\leq 0.001\%$; Kim loại nặng: $\leq 0.0005\%$; As (Arsenic): $\leq 0.00001\%$; Ba (Barium): $\leq 0.002\%$; Ca (Calcium): $\leq 0.001\%$; Cu (Copper): $\leq 0.0002\%$; Fe (Iron): $\leq 0.0002\%$ - Khối lượng phân tử: 166.00 g/mol - Trạng thái: chất rắn, trắng nhạt - Khối lượng riêng: 3.23 g/cm³ (25 °C) - Nhiệt độ nóng chảy: 685°C - pH: 6.9 (50 g/l, H₂ O, 20 °C) - Mật độ: 3,23 g/cm³ ở 25 °C - Bảo quản: Bảo quản từ +5°C đến +30°C. - Quy cách đóng gói: Chai nhựa 1kg - Xuất xứ: Các nước nhóm G20		
43.	Iốt tinh khiết	Độ tinh khiết: 99.8 - 100.5% Bromide and Chloride (as Cl) $\leq 0.005\%$. Quy cách: 500g/Chai - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Chai	1
44.	Dung dịch đo Clo dư (DPD1; DPD2; DPD3) Milwaukee	Hoá chất đo hàm lượng Clo dư trong nước. Bộ hoá chất gồm 3 lọ 20 ml: DPD1; DPD2; DPD3 - Dải đo 0.00 to 5.00 mg/L (Cl_2) Quy cách: Bộ/03 lọ x20ml - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	1
45.	Chủng chuẩn Staphylococcus aureus ATCC 6538 (WDCN 00032)	Mỗi que cấy chứa chủng vi sinh đông khô được đóng gói riêng biệt, sử dụng ngay. Điều kiện nuôi cấy: hiếu khí, 35°C Thời gian nuôi cấy: 24 – 48 giờ Bảo quản: 2°C đến 8°C Quy cách: 02 que/hộp - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
46.	Chủng chuẩn vi sinh E.coli ATCC 25922	Quy cách: 2que/bộ Chủng có số đời cấy chuyển số 3(F3) FDA listed, dấu CE và IVD cho vật tư y tế - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	2
47.	Chủng chuẩn vi sinh P.aeruginosa ATCC 10145	Quy cách: 2que/bộ Chủng có số đời cấy chuyển số 3(F3) FDA listed, dấu CE và IVD cho vật tư y tế - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	2
48.	Chủng chuẩn vi sinh E.faecalis ATCC 19433	Quy cách: 2que/bộ Chủng có số đời cấy chuyển số 3(F3) FDA listed, dấu CE và IVD cho vật tư y tế - Xuất xứ: Các nước nhóm G20	Hộp	2
49.	Màng lọc vi sinh Membrane Filter 0,20µm (hoặc 0,22µm)	Màng lọc tiết trùng Mixed Cellulose Ester, đường kính 47mm, kích thước lỗ lọc 0,20µm (hoặc 0,22µm). Quy cách: 50 cái/hộp. Xuất xứ: Các nước nhóm G7	Hộp	7
50.	Màng lọc vi sinh Membrane Filter 0,45µm	Màng lọc tiết trùng Mixed Cellulose Ester, đường kính 47mm, kích thước lỗ lọc 0,45µm. Quy cách: 50 cái/hộp. Xuất xứ: Các nước nhóm G7	Hộp	12
51.	Cuvette thạch anh	Cuvette thạch anh 10 mm, bước sóng 190-2500nm; Kích thước: 12.5x12.5x45mm; Xuất xứ: Các nước nhóm G7	Cái	2
52.	Túi đựng mẫu vô trùng 600 ml SteriBag StandUp	Túi đựng mẫu vô trùng, phần đáy có thể mở ra ngay sau khi túi được thêm mẫu; có thể tự đứng mà không cần giá đỡ; có khung ở miệng túi giữ cho túi luôn mở; có chỗ ghi nhãn. Kích thước: 229 x 152 mm; Quy cách: 500 túi/ hộp.	Hộp	1

Phụ lục 2
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: /KSBT-DVTTYT ngày /5/2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lạng Sơn, chúng tôi[ghi tên, địa chỉ của đơn vị cung cấp dịch vụ; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cung cấp hàng hóa như sau:

1. Báo giá cung cấp hàng hóa:

STT	STT trong danh mục yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Năm sản xuất	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Số lượng	Đơn giá (VAT)	Thành tiền (VND)
1										
2										
...										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 19/6/2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)